

Số: **67** /BC-CDKTCN

Vĩnh Phúc, ngày **26** tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2025

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc được thành lập tại Quyết định số 1974/QĐ-BLĐT BXH ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TB&XH về sát nhập trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc vào trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc và đổi tên thành trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc.

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc được thành lập tại Quyết định số: 8254/QĐ - BGDDT ngày 28/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiền thân là Trường Cơ khí Nông nghiệp Vĩnh Phú (tháng 10/1968); Trường Dạy nghề Nông nghiệp Vĩnh Phú (tháng 5/1978 trên cơ sở hợp nhất Trường Cơ khí Nông nghiệp và Quản lý hợp tác xã nông nghiệp); Trường dạy nghề Nông nghiệp Vĩnh Phúc (tháng 01/1997); Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc (tháng 6/1998). Trong quá trình xây dựng và trưởng thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc đã có bước phát triển nhanh về quy mô, đa dạng hoá ngành nghề, loại hình và trình độ đào tạo, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao, góp phần không nhỏ cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tính đến nay, nhà trường đã đào tạo được hàng vạn cán bộ trung cấp, công nhân kỹ thuật cho tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh lân cận. Những năm qua, trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc, liên tục đổi mới và phát triển về cơ sở vật chất, quy mô, ngành nghề và chất lượng đào tạo, xứng đáng là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có uy tín và chất lượng cao của tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình công tác nhiều năm, Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được nhiều cấp, ngành khen thưởng

Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc tiền thân là trung tâm Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ ngành Xây dựng được thành lập tháng 11 năm 1998. Trung tâm trực thuộc Sở xây dựng Vĩnh Phúc. Ngày 04 tháng 5 năm 2000, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ký quyết định số 760/QĐ-UB về việc thành lập Trường Đào tạo nghề Vĩnh Phúc trên cơ sở nâng cấp Trung tâm đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ ngành Xây dựng. Trường trực thuộc Sở Lao động - TB&XH và chịu sự quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 12 tháng 02 năm 2007 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 498/QĐ-UBND về việc Thành lập Trường Trung cấp nghề Việt - Đức Vĩnh Phúc. Ngày 03 tháng 7 năm 2007 Trường đã



được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Vĩnh Phúc tại quyết định số 922/QĐ-BLĐTBXH của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 15 tháng 10 năm 2014, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ra Quyết định số 1335/QĐ-BLĐTBXH về việc Đổi tên Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Vĩnh Phúc thành Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường đã có nhiều chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng suốt để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường. Toàn thể bộ, giáo viên, nhân viên Nhà trường đã đoàn kết một lòng, thống nhất hành động vì mục tiêu chung của Trường, nỗ lực cố gắng phát huy những lợi thế, khắc phục những tồn tại, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những kết quả đó đã được các cấp, các ngành ghi nhận qua Danh hiệu thi đua và Hình thức khen thưởng.

Địa chỉ của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc:

- Địa chỉ trụ sở chính

Số 55B đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Trụ sở chính của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc)

- Các địa điểm đào tạo

(1) Đường Nguyễn Tất Thành, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên (khu A Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc).

(2) Số 39, đường Chu Văn An phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên (khu B Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc).

(3) Số 55B đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên (trụ sở chính Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc).

(4) Đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên (khu xưởng thực hành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc).

(5) Xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (khu Trại thí nghiệm và thực hành ngành nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc).

(6) Ngõ 10, đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 8 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng và quy định của pháp luật có liên quan;

- Đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, thực hiện dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT theo quy định cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;

- Hợp tác đào tạo; tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật và tổ chức các dịch vụ sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế; liên kết với các Viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở sản xuất để tổ chức đào tạo theo nhu cầu sử dụng lao động của xã hội và nâng cao trình độ cho

người học.

Cơ cấu tổ chức

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu: Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Các hội đồng tư vấn;
- Các phòng: (07 phòng)
 - a) Phòng Hành chính - Tổ chức;
 - b) Phòng Đào tạo;
 - c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
 - d) Phòng Công tác học sinh, sinh viên;
 - đ) Phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng;
 - e) Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế;
 - g) Phòng Quản trị thiết bị và Đời sống.
- Các khoa: (10 khoa)
 - a) Khoa Điện;
 - b) Khoa Điện tử;
 - c) Khoa Công nghệ ô tô;
 - d) Khoa Cơ khí;
 - đ) Khoa Kinh tế - Dịch vụ du lịch;
 - e) Khoa Công nghệ thông tin;
 - g) Khoa Nông nghiệp - Xây dựng;
 - h) Khoa Công nghệ thời trang;
 - i) Khoa Các môn chung;
 - k) Khoa Khoa học cơ bản.
- Trung tâm: (01 trung tâm): Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp.

1.2. Nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của Trường

Các nghề/nghề đào tạo, mã ngành và quy mô tuyển sinh, trình độ đào tạo của Trường theo Giấy chứng nhận hoạt động GDNN số 22/2025/GCNĐKHĐ-TCGDNN của tổng cục GDNN cấp ngày 25/02/2025 .

a. Đào tạo tại Trường

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh			
1	Thương mại điện tử	6340122	30	Cao đẳng
		5340122	70	Trung cấp
2	Marketing thương mại	6340118	30	Cao đẳng

		5340118	30	Trung cấp
3	Logistics	6340113	30	Cao đẳng
		5340113	70	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán	6340301	30	Cao đẳng
2	Kế toán doanh nghiệp	6340302	80	Cao đẳng
		5340302	120	Trung cấp
			100	Sơ cấp
3	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	50	Trung cấp
III	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị kinh doanh	6340404	30	Cao đẳng
2	Quản lý doanh nghiệp	5340420	50	Trung cấp
IV	Nhóm ngành, nghề Thống kê			
1	Thống kê	5460201	50	Trung cấp
V	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	60	Cao đẳng
		5480102	210	Trung cấp
2	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	30	Cao đẳng
VI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Quản trị hệ thống	5480210	30	Trung cấp
2	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	50	Cao đẳng
3	Quản trị mạng máy tính	6480209	50	Cao đẳng
4	Tin học văn phòng	5480203	60	Trung cấp
			200	Sơ cấp
VII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	30	Cao đẳng
2	Công nghệ ô tô	6510216	190	Cao đẳng
		5510216	290	Trung cấp
VIII. Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông				
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	60	Cao đẳng
		5510303	90	Trung cấp
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động hóa	6510305	30	Cao đẳng
3	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí	6510315	30	Cao đẳng
		5510315	70	Trung cấp
IX. Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa				
1	Trắc địa - Địa hình - Địa chính	5510907	30	Trung cấp
X. Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật				
1	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	5520152	30	Trung cấp
2	Cắt gọt kim loại	6520121	100	Cao đẳng
		5520121	130	Trung cấp
			100	Sơ cấp
3	Cơ khí chế tạo	5520117	30	Trung cấp
4	Hàn	6520123	65	Cao đẳng
		5520123	100	Trung cấp

			150	Sơ cấp
5	Hàn điện		100	Sơ cấp
6	Tiện ren		100	Sơ cấp
7	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	30	Cao đẳng
		5520126	30	Trung cấp
XI. Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông				
1	Cơ điện tử	6520263	35	Cao đẳng
		5520263	20	Trung cấp
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	100	Cao đẳng
		5520205	190	Trung cấp
			200	Sơ cấp
3	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	90	Trung cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	130	Cao đẳng
		5520227	250	Trung cấp
5	Điện tử công nghiệp	6520225	70	Cao đẳng
		5520225	150	Trung cấp
			100	Sơ cấp
6	Điện tử dân dụng		100	Sơ cấp
7	Điện dân dụng		100	Sơ cấp
XII. Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường				
1	Cấp, thoát nước		50	Sơ cấp
XIII. Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da				
1	May thời trang	6540205	35	Cao đẳng
		5540205	170	Trung cấp
2	May công nghiệp		120	Sơ cấp
XIV. Nhóm ngành, nghề Xây dựng				
1	Kỹ thuật xây dựng	6580201	35	Cao đẳng
		5580201	50	Trung cấp
			100	Sơ cấp
2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	5580202	30	Trung cấp
3	Điện - nước	5580212	100	Trung cấp
4	Cốt thép xây dựng		50	Sơ cấp
5	Bê tông		50	Sơ cấp
6	Nền hoàn thiện		50	Sơ cấp
7	Ván khuôn		50	Sơ cấp
XV. Nhóm ngành, nghề Nông nghiệp				
1	Chăn nuôi	6620119	30	Cao đẳng
2	Chăn nuôi - thú y	5620120	30	Trung cấp
			100	Sơ cấp
3	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	5620117	30	Trung cấp
			100	Sơ cấp
4	Thủy lợi tổng hợp	5620126	30	Trung cấp
5	Thủy nông		150	Sơ cấp
6	Trồng trọt và bảo vệ thực vật		100	Sơ cấp
7	Bảo vệ thực vật		100	Sơ cấp

XVI	Nhóm ngành, nghề Thú y			
1	Thú y	6640101	70	Cao đẳng
		5640101	30	Trung cấp
			200	Sơ cấp
XVII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ Thú y			
1	Dịch vụ thú y	6640201	30	Cao đẳng
XVIII	Nhóm ngành, nghề Công tác xã hội			
1	Công tác xã hội		210	Sơ cấp
XIX	Nhóm ngành, nghề Du lịch			
1	Quản trị lữ hành	6810104	30	Cao đẳng
XX. Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng				
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	30	Cao đẳng
		5810207	30	Trung cấp
			150	Sơ cấp
2	Quản trị khách sạn	6810201	30	Cao đẳng
XXI. Nhóm ngành, nghề Quản lý tài nguyên và môi trường				
1	Kiểm soát và bảo vệ môi trường		100	Sơ cấp

b. Tại địa điểm đào tạo khác:

- Liên kết đào tạo tại: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Lập Thạch (Thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc)

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205	35	Trung cấp

- Liên kết đào tạo tại: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Tường (Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc)

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	5480102	70	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205	35	Trung cấp

- Liên kết đào tạo tại: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Tam Dương (Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc)

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205	35	Trung cấp

- Liên kết đào tạo tại: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Tam Đảo (Xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc)

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành, nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da			
1	May thời trang	5540205	35	Trung cấp

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

Phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng của Trường được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-CĐKTCN ngày 19/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc. Một trong những chức năng, nhiệm vụ của Phòng là thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục của Trường.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường đã xây dựng và ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc. Hàng năm, Trường đều thành lập Hội đồng đánh giá Hệ thống bảo đảm chất lượng và thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo.

Phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng là đơn vị phụ trách về đảm bảo chất lượng. Số cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện nay là 8. Trong đó có 1 trưởng phòng, 2 phó trưởng phòng và 5 giáo viên, nhân viên, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ Email
1	Phạm Thành Trung	Trưởng phòng	0972979666	Thanhtrung122304@gmail.com
2	Nguyễn Văn Lợi	Phó T. phòng	0972514568	Nguyenvanloi@gmail.com
3	Nguyễn Duy Sỹ	Phó T. phòng	0985434968	Duysy73@gmail.com
4	Đỗ Xuân Hòa	Giảng viên	0912310699	Hoadx165@gmail.com
5	Nguyễn Việt Tuấn	Giảng viên	0935172777	viettuan@gmail.com
6	Nguyễn thị Thúy	Giảng viên	0971627348	Thuytsvp@gmail.com
7	Ngô Tiểu Anh	Nhân viên	0969 266 398	Tieuanh.cdn@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Hội nhập kinh tế toàn cầu là điều kiện, cơ hội rất thuận lợi cho lĩnh vực đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho lĩnh vực này. Bảo đảm chất

lượng đã và đang là vấn đề được tất cả các nước trên thế giới quan tâm. Thậm chí bảo đảm chất lượng còn được nâng lên thành “Văn hóa chất lượng”. Đó là nền văn hóa của tổ chức nhằm nâng cao chất lượng bền vững, được đặc trưng bởi hai yếu tố riêng biệt:

- Các giá trị, niềm tin, những mong đợi hướng đến chất lượng;
- Yếu tố quản lý/cơ cấu có các quy trình bảo đảm chất lượng và các nỗ lực hợp tác được xác định để mang lại chất lượng cho các hoạt động của tổ chức.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc đã xác định “Chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Trường”. Vì vậy, các hoạt động của Nhà trường đều nhằm tới việc bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Ngay sau khi sáp nhập Trường đã tổ chức xây dựng, hoàn thiện Hệ thống bảo đảm chất lượng, được Hiệu trưởng Trường ký quyết định số 293/QĐ-CĐKTCN ngày 10/3/2025 về việc ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường. Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường gồm có: 03 tài liệu và 56 quy trình chuyên môn:

- 03 tài liệu:
 - + Chính sách chất lượng;
 - + Mục tiêu chất lượng;
 - + Sổ tay bảo đảm chất lượng.
- 56, quy trình chuyên môn:
 - + Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ;
 - + Quy trình cải tiến hệ thống quản lý chất lượng;
 - + Quy trình in sao, bảo mật đề thi;
 - + Quy trình thanh tra hoạt động đào tạo;
 - + Quy trình thanh tra, kiểm tra hoạt động thi-kiểm tra;
 - + Quy trình thập ý kiến CBQL, nhà giáo về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo;
 - + Quy trình khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường;
 - + Quy trình biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng câu hỏi/đề thi;
 - + Quy trình kiểm tra tuyển sinh;
 - + Quy trình kiểm tra tốt nghiệp;
 - + Quy trình kiểm tự đánh giá chất lượng;
 - + Quy trình tuyển dụng viên chức;
 - + Quy trình đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên -giảng viên, nhân viên;
 - + Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý
 - + Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ
 - + Quy trình quản lý hồ sơ CBVC
 - + Quy trình khen thưởng CBVC
 - + Quy trình kỷ luật CBVC

- + Quy trình giải quyết chế độ chính sách cho CBVC;
- + Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo;
- + Quy trình xây dựng Kế hoạch đào tạo, lập và hiệu chỉnh thời khóa biểu; quản lý tiến độ;
- + Quy trình tổ chức học lại, thi lại, học cải thiện;
- + Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV
- + Quy trình thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun
- + Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp
- + Quy trình quản lý và cấp, phát văn bằng, chứng chỉ cho người học;
- + Quy trình mở mã ngành nghề đào tạo; Bổ sung quy mô đào tạo;
- + Quy trình duyệt giáo án online
- + Quy trình chuyển trường, bảo lưu kết quả học tập, chuyển đổi môn học
- + Quy trình quản lý liên kết đào tạo Cao đẳng, trung cấp
- + Quy trình tổng hợp giờ giảng, xăng xe;
- + Quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường
- + Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế
- + Quy trình khai thác sử dụng tài liệu thư viện
- + Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo;
- + Quy trình quản lý biên tập thông tin KHGD&ĐT
- + Quy trình quản lý bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;
- + Quy trình quản lý, sửa chữa thiết bị, máy móc;
- + Q trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu;
- + Quy trình quản lý xưởng thực hành, phòng học lý thuyết;
- + Quy trình khen thưởng cho HSSV;
- + Quy trình xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV;
- + Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện HSSV;
- + Quy trình xác nhận HSSV tạm hoãn nghĩa vụ quân sự;
- + Quy trình xử lý kỷ luật học sinh sinh viên;
- + Quy trình giải quyết chế độ chính sách cho HSSV;
- + Quy trình kiểm kê và thanh lý tài sản, thiết bị;
- + Quy trình hướng dẫn thanh toán nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ - nghiệp vụ bảo trì, sửa chữa tài sản có giá trị từ 10 triệu đến dưới 50 triệu đồng;
- + Quy trình hướng dẫn thanh toán nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ - nghiệp vụ bảo trì, sửa chữa tài sản có giá trị từ 50 triệu đến dưới 300 triệu đồng;
- + Quy trình thanh lý, tiêu hủy tài sản, công cụ dụng cụ
- + Quy trình tuyển sinh
- + Quy trình thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
- + Quy trình điều tra lần vết đối với HSSV sau tốt nghiệp hàng năm
- + Quy trình tổ chức HSSV thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp
- + Quy trình tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV;
- + Quy trình xây dựng kế hoạch phân công giảng dạy

Hệ thống Quy trình đang được vận hành trong Hệ thống quản lý của Trường có nhiều ưu điểm như:

- Giải quyết công việc một cách khoa học, hợp lý, đúng luật định;
- Có kiểm soát chặt chẽ, công khai, minh bạch, v.v....

Tuy nhiên, bên cạnh đó Hệ thống vẫn còn một số nhược điểm: nhiều tài liệu, giấy tờ kèm theo mỗi quy trình,... Nhiều cá nhân chưa hiểu rõ: bảo đảm chất lượng là phải bảo đảm từ mỗi một công việc, mỗi một quy trình và mối quan hệ giữa các quy trình. Do đó, việc áp dụng Hệ thống chưa phát huy hết tính “tối ưu” của hệ thống.

Do đặc thù của sản phẩm đào tạo là “học sinh, sinh viên tốt nghiệp”, nhiều tiêu chí, chỉ số đánh giá là định tính, ít chỉ số là định lượng. Cho nên, khâu đánh giá sản phẩm khá phức tạp và khó khăn. Trong khi đó, một số cán bộ phòng nghiệp vụ đã không xác định rõ chức năng và nhiệm vụ của Phòng là “Phục vụ cho công tác đào tạo” chứ không phải là “Đứng ngoài đào tạo” hoặc “Đứng trên đào tạo”. Một số giáo viên lại quá chuyên tâm vào giảng dạy chuyên môn. Họ chưa biết rằng: ngày nay, giáo dục, đào tạo đòi hỏi giáo viên phải trang bị cho người học rất nhiều các kỹ năng khác ngoài kỹ năng nghề nghiệp, như các kỹ năng mềm. Vì thế, giáo viên phải học tập và rèn luyện rất nhiều; giáo viên cũng phải là người quản lý khá chuyên nghiệp.

Nhiều đơn vị, cá nhân vẫn còn theo lối tư duy cũ, tùy tiện, thiếu tính hệ thống, vì vậy thực hiện công việc lại không theo quy trình hoặc làm tắt bước.

Mặc dù việc xây dựng Hệ thống bảo đảm chất lượng được thực hiện theo đúng các bước và bảo đảm nguyên tắc xây dựng, nhưng do thời gian và điều kiện triển khai thực hiện có hạn; cho nên việc vận hành Hệ thống có lúc, có nơi chưa được quan tâm thỏa đáng.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ);

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tại Quyết định số 1974/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TB&XH về sát nhập trường Cao đẳng nghề

Vĩnh Phúc vào trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc và đổi trên thành trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc;

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Xây dựng được hệ thống các chính sách bảo đảm chất lượng; công cụ, quy trình thực hiện các bước công việc cụ thể, khoa học, hợp lý, đúng luật định, có kiểm soát chặt chẽ để thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực, nội dung quản lý của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

- Nhằm công khai, minh bạch các quy trình thực hiện công việc, công cụ trong hệ thống quản lý của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh, nhất là trong các hoạt động giảng dạy và học tập.

- Đo lường, đánh giá được quy trình, chất lượng công việc theo các chuẩn hoặc mục tiêu cụ thể. Tránh chồng chéo hoặc bỏ sót công việc, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện.

- Làm cơ sở cho việc xây dựng vị trí việc làm và định mức lao động và bố trí nguồn nhân lực tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh cũng như việc xây dựng kế hoạch của cá nhân, đơn vị, nhà trường.

- Thỏa mãn, nâng cao sự hài lòng của người học, doanh nghiệp và xã hội.

- Là căn cứ quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác thi đua, khen thưởng.

- Tạo nề nếp, quy củ để tiến tới xây dựng nền văn hóa của Nhà trường.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh trong từng giai đoạn.

- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn Xây dựng quy trình bảo đảm chất lượng đào tạo, nội dung chủ yếu bao gồm:

- Đánh giá thực trạng các điều kiện bảo đảm chất lượng của trường;
- Xây dựng Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng;
 - + Xây dựng chính sách chất lượng;
 - + Xây dựng mục tiêu chất lượng;
 - + Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng;
 - + Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng;
- Thiết lập Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng;
- Phê duyệt, vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng.

Ngay sau khi sáp nhập, Thực hiện Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc đã xây dựng và hoàn thiện Hệ thống bảo đảm chất lượng dựa trên Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc và trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc đã ban hành trước khi sáp nhập (Kế hoạch số 40/KH-CĐKTCN ngày 04/4/2025 về việc hoàn thiện Hệ thống bảo đảm chất lượng). Kế hoạch yêu cầu: Tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn; các phòng, khoa, trung tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để rà soát, thống nhất xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, thực hiện công việc khoa học, hợp lý, đúng quy định.; thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý, vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng và thông tin bảo đảm chất lượng của đơn vị, của Trường.

Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng phối hợp với các đơn vị xây dựng, hoàn thiện theo đúng Kế hoạch và được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành Hệ thống bảo đảm chất lượng (theo QĐ số 293/QĐ-CĐKTCN, ngày 10/4/2025).

Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường gồm có 3 tài liệu và 56 quy trình đưa vào vận hành. Để đánh giá việc vận hành Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường, Hiệu trưởng đã cho xây dựng, ban hành Kế hoạch đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng (Kế hoạch số 154 /KH-CĐKTCN, ngày 19/9 2025).

Để thực hiện việc đánh giá Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường có hiệu quả, Hiệu trưởng đã ra Quyết định thành lập đoàn đánh giá nội bộ (QĐ số 959/QĐ-CĐKTCN ngày 19/9/2025). Đoàn đánh giá gồm có 16 thành viên bao gồm Ban giám hiệu, đại diện lãnh đạo của một số đơn vị và cán bộ phụ trách hệ thống bảo đảm chất lượng của phòng Thanh tra, khảo thí, kiểm định chất lượng.

CÁC QUY TRÌNH HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Đơn vị áp dụng (Đánh dấu X vào các đơn vị có liên quan)																
			Phòng đào tạo	Phòng TT,KT,KĐCL	Phòng HC - TC	Phòng CTHSSV	Phòng QTTB - ĐS	Phòng KH - TC	Phòng QLKH&HTQT	Khoa Cơ khí	Khoa Điện	Khoa Điện tử	Khoa Kinh tế - DVDL	Khoa CNTT	Khoa CN ô tô	Khoa CN Thời trang	Khoa KH Cơ bản	Khoa NN - XD	Khoa Các môn chung TTTS & HTDN
1	Chính sách chất lượng	CSCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Sổ tay bảo đảm chất lượng	STBĐCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT01/TTK TKĐCL		x															
5	Quy trình cải tiến hệ thống quản lý chất lượng*	QT02/TTK TKĐCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Quy trình in sao, bảo mật đề thi	QT03/TTKTKĐCL	x	x															
7	Quy trình thanh tra hoạt động đào tạo	QT04/TTK TKĐCL		x															
8	Quy trình thanh tra, kiểm tra hoạt động thi-kiểm tra	QT05/TTK TKĐCL		x															
9	Quy trình thập ý kiến CBQL, nhà giáo về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo.	QT06/TTK TKĐCL		x															
10	Quy trình khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường	QT07/TTK TKĐCL		x															
11	Quy trình biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng câu hỏi/đề thi	QT08/TTK TKĐCL		x						x	x	x	x	x	x	x		x	x
12	Quy trình kiểm tra tuyển sinh	QT09/TTK TKĐCL		x															

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Đơn vị áp dụng (Đánh dấu X vào các đơn vị có liên quan)																
			Phòng đào tạo	Phòng TT,KT,KĐCL	Phòng HC - TC	Phòng CTHSSV	Phòng QTTB - ĐS	Phòng KH - TC	Phòng QLKH&HTQT	Khoa Cơ khí	Khoa Điện	Khoa Điện tử	Khoa Kinh tế -DVDL	Khoa CNTT	Khoa CN ô tô	Khoa CN Thời trang	Khoa KH Cơ bản	Khoa NN - XD	Khoa Các môn chung TTTS & HTDN
13	Quy trình kiểm tra tốt nghiệp	QT10/TTK TKĐCL		x															
14	Quy trình kiểm tự đánh giá chất lượng	QT11/TTK TKĐCL		x															
15	Quy trình tuyển dụng viên chức	QT12/HCTC			x														
16	Quy trình đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, giáo viên -giảng viên, nhân viên	QT13/HCTC			x														
17	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý	QT14/HCTC			x														
18	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ	QT15/HCTC			x														
19	Quy trình quản lý hồ sơ CBVC	QT16/HCTC			x														
20	Quy trình khen thưởng CBVC*	QT17/HCTC			x														
21	Quy trình kỷ luật CBVC	QT18/HCTC			x														
22	Quy trình giải quyết chế độ chính sách cho CBVC	QT19/HCTC			x														
23	Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo	QT20/ĐT	x							x	x	x	x	x	x	x		x	x
24	Quy trình xây dựng Kế hoạch đào tạo, lập và hiệu chỉnh thời khóa biểu; quản lý tiến độ.	QT21/ĐT	x																
25	Quy trình tổ chức học lại, thi lại, học cải thiện	QT22/ĐT	x							x	x	x	x	x	x	x		x	x
26	Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSSV	QT23/ĐT	x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	
27	Quy trình thi, kiểm tra kết thúc môn học, môđun	QT24/ĐT	x							x	x	x	x	x	x	x		x	x

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Đơn vị áp dụng (Đánh dấu X vào các đơn vị có liên quan)																
			Phòng đào tạo	Phòng TT,KT,KĐCL	Phòng HC - TC	Phòng CTHSSV	Phòng QTTB - ĐS	Phòng KH - TC	Phòng QLKH&HTQT	Khoa Cơ khí	Khoa Điện	Khoa Điện tử	Khoa Kinh tế -DVDL	Khoa CNTT	Khoa CN ô tô	Khoa CN Thời trang	Khoa KH Cơ bản	Khoa NN - XD	Khoa Các môn chung TTTS & HTDN
28	Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp*	QT25/ĐT	x																
29	Quy trình quản lý và cấp, phát văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT26/ĐT	x																
30	Quy trình mở mã ngành nghề đào tạo; Bổ sung quy mô đào tạo	QT27/ĐT	x																
31	Quy trình duyệt giáo án online	QT28/ĐT	x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
32	Quy trình chuyển trường, bảo lưu kết quả học tập, chuyển đổi môn học	QT29/ĐT	x																
33	Quy trình quản lý liên kết đào tạo Cao đẳng, trung cấp	QT30/ĐT	x																
34	Quy trình tổng hợp giờ giảng, xăng xe	QT31/ĐT	x																
35	Quy trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường	QT32/QLK H&HTQT							x										
36	Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế	QT33QLK H&HTQT							x										
37	Quy trình khai thác sử dụng tài liệu thư viện	QT34/QLK H&HTQT							x										
38	Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo	QT35/QLK H&HTQT							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
39	Quy trình quản lý biên tập thông tin KHGD&ĐT	QT36/QLK H&HTQT							x										
40	Quy trình quản lý bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc	QT37/QT B-ĐS					x			x	x	x	x	x	x	x		x	
41	Quy trình quản lý, sửa chữa thiết bị, máy móc	QT38/QT B-ĐS					x			x	x	x	x	x	x	x		x	

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Đơn vị áp dụng (Đánh dấu X vào các đơn vị có liên quan)																
			Phòng đào tạo	Phòng TT,KT,KĐCL	Phòng HC - TC	Phòng CTHSSV	Phòng QTTB - ĐS	Phòng KH - TC	Phòng QLKH&HTQT	Khoa Cơ khí	Khoa Điện	Khoa Điện tử	Khoa Kinh tế -DVDL	Khoa CNTT	Khoa CN ô tô	Khoa CN Thời trang	Khoa KH Cơ bản	Khoa NN - XD	Khoa Các môn chung TTTS & HTDN
42	Qtrình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu	QT39/QTT B-ĐS					x												
43	Quy trình quản lý xưởng thực hành, phòng học lý thuyết	QT40/QTT B-ĐS					x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	
44	Quy trình khen thưởng cho HSSV	QT41/CTH SSV				x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	
45	Quy trình xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV	QT42/CTH SSV				x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
46	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện HSSV	QT43/CTH SSV				x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	
47	Quy trình xác nhận HSSV tạm hoãn nghĩa vụ quân sự	QT44/CTH SSV				x													
48	Quy trình xử lý kỷ luật học sinh sinh viên	QT45/CTH SSV				x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	
49	Quy trình giải quyết chế độ chính sách cho HSSV	QT46/CTH SSV				x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
50	Quy trình kiểm kê và thanh lý tài sản, thiết bị	QT47/KHTC					x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	
51	Quy trình hướng dẫn thanh toán nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ - nghiệp vụ bảo trì, sửa chữa tài sản có giá trị từ 10 triệu đến dưới 50 triệu đồng.	QT48/KHTC						x											
52	Quy trình hướng dẫn thanh toán nghiệp vụ mua hàng hóa, dịch vụ - nghiệp vụ bảo trì, sửa chữa tài sản có giá trị từ 50 triệu đến dưới 300 triệu đồng.	QT49/KHTC						x											
53	Quy trình thanh lý, tiêu hủy tài sản, công cụ dụng cụ	QT50/KHT C						x											

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Đơn vị áp dụng (Đánh dấu X vào các đơn vị có liên quan)																
			Phòng đào tạo	Phòng TT,KT,KĐCL	Phòng HC - TC	Phòng CTHSSV	Phòng QTTB - ĐS	Phòng KH - TC	Phòng QLKH&HTQT	Khoa Cơ khí	Khoa Điện	Khoa Điện tử	Khoa Kinh tế -DVDL	Khoa CNTT	Khoa CN ô tô	Khoa CN Thời trang	Khoa KH Cơ bản	Khoa NN - XD	Khoa Các môn chung TTTS & HTDN
54	Quy trình tuyển sinh*	QT51/TS&HTDN																	X
55	Quy trình thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động	QT52/TS&HTDN																	X
56	Quy trình điều tra lần vết đối với HSSV sau tốt nghiệp hàng năm	QT53/TS&HTDN																	X
57	Quy trình tổ chức HSSV thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp	QT54/TS&HTDN	X							X	X	X	X	X	X	X		X	X
58	Quy trình tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV	QT55/TS&HTDN																	X
59	Quy trình xây dựng kế hoạch phân công giảng dạy	QT56/KCM	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X	

c) Chính sách chất lượng của Trường

Tập trung, ưu tiên đào tạo cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, tin học để chủ động tiếp thu và áp dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Phấn đấu đến năm 2028, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc sẽ đạt tiêu chuẩn, tiêu chí và được công nhận là trường Cao đẳng chất lượng cao theo Quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, dụng cụ thực hành, phương tiện giảng dạy để thực hiện tốt chương trình đào tạo.

Tập trung, ưu tiên đánh giá Chương trình đào tạo nhằm điều chỉnh và bổ sung kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề, kỹ năng thiết yếu cho học sinh, sinh viên phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

Tăng cường đào tạo năng lực, nhất là ngoại ngữ, kỹ năng làm việc quốc tế cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Chú trọng nâng cao trình độ của giáo viên để áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến và thực hiện các Chương trình đào tạo theo niên chế hoặc theo phương

thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, đào tạo theo năng lực thực hiện, lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

Dành kinh phí đào tạo nâng cao về ngoại ngữ và tin học cho giáo viên giảng dạy các nghề trọng điểm Khu vực ASEAN, trọng điểm quốc tế.

Đầu tư nguồn lực để thực hiện hợp tác với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, đánh giá, tư vấn và giới thiệu việc làm, lần vết sinh viên theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đầu tư nguồn lực để nâng cao kỹ năng nghề cho giáo viên và tổ chức cho giáo viên nghề đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Phát triển kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ quản lý, nhất là kỹ năng xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Cải tạo, nâng cấp ký túc xá, nhà rèn luyện thể chất, sân thể dục thể thao, môi trường cảnh quan đáp ứng yêu cầu của học sinh, sinh viên.

Tăng cường công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên trong định hướng nghề nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Đào tạo 15 kỹ năng mềm thiết yếu cho sinh viên để các em không bị bỡ ngỡ khi bước vào môi trường thực tế của doanh nghiệp và phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

d) Mục tiêu chất lượng của trường

Mục tiêu chất lượng của Trường đến năm 2030, cụ thể:

- Kiểm định, chuẩn hóa: Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào năm 2027.
- Phát triển vị thế: Trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao vào năm 2028 và Trung tâm vùng đào tạo - thực hành nghề chất lượng cao vào năm 2030.
- Chương trình đào tạo: Xây dựng chương trình mở, hiện đại, cập nhật chuẩn quốc gia - ASEAN – quốc tế; gắn với nhu cầu doanh nghiệp, thị trường; triển khai các chương trình hợp tác quốc tế.
- Đội ngũ nhân lực: Bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, viên chức có chuyên môn vững, kỹ năng nghề cao, phương pháp dạy học hiện đại; năng lực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.
- Cơ sở vật chất & môi trường học tập: Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, xanh, bền vững; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn, công nghệ hiện đại; bảo đảm mức sẵn sàng phục vụ học tập - thực hành trên 90% .
- Quản trị nhà trường: Thiết lập hệ thống quản trị hiện đại; số hóa toàn diện công tác quản lý, đào tạo và bảo đảm chất lượng.
- Hợp tác doanh nghiệp: tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng; phát triển hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm – dịch vụ.

- Quy mô đào tạo - Công tác tư vấn tuyển sinh - giải quyết việc làm: Quy mô đào tạo đến năm 2030, đạt từ 18 000 HSSV đến trên 20 000 HSSV; tuyển sinh đạt 100% kế hoạch hằng năm; kiểm soát tỷ lệ bỏ học hệ trung cấp, cao đẳng không vượt quá 20%/khóa; đảm bảo trên 90% sinh viên có việc làm đúng ngành nghề trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp.

- Khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo: Triển khai hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; mỗi năm thực hiện 3-5 nhiệm vụ khoa học, hỗ trợ tối thiểu 2 dự án khởi nghiệp của sinh viên.

- Mức độ hài lòng người học: Đạt trên 95% sinh viên hài lòng về quản lý, tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ việc làm, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

đ1. Tổ chức - Hành chính (4)

- a. Tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên
- b. Sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên
- c. Chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên
- d. Quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý

đ2. Quản lý đào tạo (9)

- Tuyển sinh
 - + Quảng cáo
 - + Tổ chức tuyển sinh
 - + Nhập học phân bổ lớp học
- Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo
- Biên soạn/lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo
- Kế hoạch đào tạo
 - + Xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu
 - + Theo dõi thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo
- Tổ chức đào tạo
 - + Kiểm soát hoạt động giảng dạy
 - + Quản lý thực hành, thực tập
 - + Quản lý hoạt động liên kết đào tạo
- Quản lý kết quả học tập
 - + Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
 - + Cấp phát văn bằng, chứng chỉ
- Quản lý thư viện
- Tư vấn, giới thiệu việc làm; lần vết học sinh, sinh viên
- Khảo sát doanh nghiệp

đ3. Bảo đảm chất lượng đào tạo (6)

- Xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng

- Đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng
- Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
- Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Khảo thí
- Giám sát, kiểm tra

đ4. Quản lý học sinh, sinh viên (4)

- Quản lý sĩ số học sinh, sinh viên
- Chế độ chính sách đối với HSSV
- Quản lý Ký túc xá
- Các hoạt động ngoại khóa

đ5. Quản lý tài chính (3)

- Kế hoạch tài chính
- Thanh quyết toán
- Giải quyết chế độ chính sách

đ6. Quản lý cơ sở vật chất (4)

- Cơ sở hạ tầng: đường xá nội bộ, hệ thống điện, nước
- Các tòa nhà xây dựng, khuôn viên
- Các xưởng thực hành, máy, trang thiết bị đào tạo, dụng cụ thực hành
- Trang máy, Thiết bị văn phòng, v.v...

đ7. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế (2)

- Quản lý đề tài khoa học
- Hợp tác quốc tế

đ8. Quan hệ Trường - ngành (3)

- Trường với các sở ban, ngành
- Trường với chính quyền địa phương
- Trường với các trường khác.

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- *Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin*

+ Cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng là: thông tin đầu vào của từng quy trình bảo đảm chất lượng hoặc từng bước thuộc một quy trình; thông tin đầu ra của từng quy trình bảo đảm chất lượng hoặc từng bước thuộc một quy trình và các thông tin liên quan đến hệ thống bảo đảm chất lượng;

+ Hạ tầng thông tin bao gồm máy móc, thiết bị, phần mềm và công nghệ phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

- *Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng*

+ Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;

+ Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động bảo đảm chất lượng.

- *Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được định kỳ rà soát, nâng cấp.*

- *Cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.*

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá: 1 đợt

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện đợt đánh giá: 18 đơn vị

- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu chất lượng của đơn vị: hầu hết đạt yêu cầu

- Đánh giá 04 Quy trình được đề nghị chỉnh sửa, cải tiến: Quy trình Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo (QT20/ĐT); Quy trình Duyệt giáo án online (QT28 /ĐT); Quy trình Thanh tra, kiểm tra hoạt động thi - kiểm tra (QT05/TTKTKĐCL); Quy trình Tổ chức HSSV thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp (QT54/TS&HTDN);

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	08	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	03	
Số lượng nội dung được bổ sung	01	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình bảo đảm chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình đang vận hành	56	
Số lượng quy trình thực hiện chỉnh sửa	04	Đánh dấu *
Số lượng quy trình được bổ sung	02	
Số lượng quy trình loại bỏ	0	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm;

Hệ thống bảo đảm chất lượng Trường có đầy đủ các quy trình, công cụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong từng lĩnh vực quản lý.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường đều nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong việc vận hành và đánh giá Hệ thống bảo đảm chất lượng. Nhiều Phòng, Khoa, Trung tâm đã chỉnh sửa và bổ sung thêm từ 2 đến 3 quy trình; đặc biệt các biểu mẫu được bổ sung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ghi chép và đánh giá.

Quy trình các bước công việc, hệ thống bảng biểu, các hướng dẫn thực hiện và phương pháp đánh giá, v.v... là khoa học, hợp lý, đúng với các quy định về quản lý của Nhà trường, dễ dàng thực hiện.

Một số quy trình áp dụng công nghệ thông tin đã mang lại hiệu suất công việc rất lớn, nhanh và chính xác.

Hồ sơ của Quy trình phù hợp với việc số hóa dữ liệu và lưu trữ.

3.2. Tồn tại, hạn chế;

Một số quy trình còn thiếu mẫu biểu chuẩn và quy định cụ thể.

Một số quy trình có nhiều bước công việc, có những bước trùng lặp, chồng chéo; nhiều giấy tờ, tài liệu kèm theo.

Một số bảng biểu ở một vài quy trình chưa phù hợp với việc thu thập, đánh giá số liệu, thông tin. Một số quy trình được vận hành chưa đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp thực hiện.

3.3. Nguyên nhân;

Nhiều cá nhân chưa hiểu rõ: bảo đảm chất lượng là phải bảo đảm từ mỗi một công việc, mỗi một quy trình và mối quan hệ giữa các quy trình. Do đó, việc áp dụng chưa phát huy hết tính “tối ưu” của hệ thống.

Do đặc thù của sản phẩm đào tạo là “học sinh, sinh viên tốt nghiệp”, nhiều tiêu chí, chỉ số đánh giá là định tính, ít chỉ số là định lượng. Cho nên, khâu đánh giá sản phẩm khá phức tạp và khó khăn. Trong khi đó, một số cán bộ phòng/ban không xác định rõ chức năng và nhiệm vụ của mình thực tế là “Phục vụ cho công tác đào tạo”. Một số giáo viên lại quá chuyên tâm vào giảng dạy chuyên môn. Họ chưa biết rằng: ngày nay, giáo dục, đào tạo đòi hỏi giáo viên phải trang bị cho người học rất nhiều các kỹ năng khác ngoài kỹ năng nghề nghiệp - Vì thế, giáo viên phải học tập và rèn luyện rất nhiều; giáo viên cũng phải là người quản lý khá chuyên nghiệp.

3.4. Đề xuất, kiến nghị:

* Đối với Cục GDNN-GDTX:

Hàng năm tổ chức Hội nghị hoặc Hội thảo về Đánh giá Hệ thống bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Mở các lớp tập huấn để đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng, đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chất lượng chương trình đào tạo.

* Đối với Nhà trường:

Xây dựng phần mềm chuyên dụng để phục vụ công tác xây dựng, vận hành và đánh giá Hệ thống bảo đảm chất lượng.

Các đơn vị tiếp tục bám sát chính sách, mục tiêu chất lượng của Trường để thực hiện tốt nhiệm vụ của đơn vị và của Trường, Nhà trường căn cứ yêu cầu thực tế và đề xuất của các đơn vị để điều chỉnh chính sách, mục tiêu chất lượng cho phù hợp với tình hình mới./. 

Nơi nhận:

- CGDNN-GDTX;
- Sở GD&ĐT Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VT, TTKTKĐCL. 



HIỆU TRƯỞNG


TS. Hà Vũ Tuyền